

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án: Xây dựng cầu dân sinh vượt cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, xã Vân Trung, huyện Việt Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cầu dân sinh vượt cao tốc Hà Nội – Bắc Giang, xã Vân Trung, huyện Việt Yên;

Theo đề nghị của Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 80/TTr-BQLDA ngày 13/7/2023; Báo cáo thẩm định số 1488/SGTVT-QLCL ngày 03/8/2023 và Tờ trình số 48/TTr-SGTVT ngày 03/8/2023 của Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng cầu dân sinh vượt cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, xã Vân Trung, huyện Việt Yên với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng cầu dân sinh vượt cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, xã Vân Trung, huyện Việt Yên.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư

Xây dựng cầu dân sinh vượt cao tốc Hà Nội – Bắc Giang, xã Vân Trung, huyện Việt Yên nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông cho công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp trong khu vực; góp phần khắc phục tình trạng công nhân đi cắt ngang tuyến cao tốc gây mất an toàn giao thông, giảm ùn tắc giao thông trên các tuyến đường gần khu công nghiệp trong giờ cao điểm; tạo điều kiện an toàn, thuận lợi cho công nhân, người lao động trong khu vực khi đi qua tuyến cao tốc Hà Nội – Bắc Giang.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế

4.2.1. Quy mô đầu tư xây dựng

Xây dựng cầu dân sinh vượt cao tốc Hà Nội – Bắc Giang, xã Vân Trung, huyện Việt Yên tại Km 127+350 (lý trình cao tốc): Thiết kế cầu dành cho xe máy, xe thô sơ và người đi bộ; chiều dài phần cầu vượt (*tính đến hết phần lan can*) $L_c=49,5m$; chiều rộng cầu $B_c=7m$ (*trong đó: Phần lòng cầu rộng 6,5m; gờ lan can mỗi bên rộng 0,25m*); chiều cao tĩnh không cầu $H_{tk} = 5,2m$ ($5,0m+0,2m$ dự phòng). Hai bên đầu cầu thiết kế hệ thống các nhánh dẫn (*cầu dẫn và đường dẫn*); tổng số 04 nhánh (*mỗi bên 02 nhánh*); sơ đồ mỗi nhánh gồm 01 nhịp dẫn dầm giản đơn ($L=42,8m$) và phần đường dẫn vuốt nối với đường gom hai bên tuyến cao tốc; chiều rộng đường dẫn $B_n=5m$, chiều rộng nhịp cầu dẫn $B_{cd}=5m$ (*lòng rộng 4,5m, gờ lan can mỗi bên 0,25m*).

Kết cấu công trình: Xây dựng cầu vượt, cầu dẫn với kết cấu nhịp dầm thép, mặt cầu và gờ lan can BTCT, lan can thép; móng, trụ cầu kết cấu BTCT đặt trên hệ móng cọc. Phần đường dẫn vuốt nối với đường gom cao tốc bố trí tường chắn BTCT, mặt đường kết cấu BTXM.

4.2.2. Giải pháp thiết kế

a. Phần đường:

- *Kết cấu mặt đường hoàn trả đường gom bên phải tuyến:* Thiết kế kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên lớp móng cấp phối đá dăm đồng bộ với kết cấu mặt đường gom hiện trạng.

- *Thiết kế hệ thống thoát nước:*

+ Hoàn trả rãnh hộp xây giáp ranh nhánh dẫn và đường gom, khẩu độ $B=60cm$. Kết cấu rãnh: Tường xây gạch BTKN vữa xi măng M75, mũ mố BTCT, móng BTXM trên lớp đá dăm đệm, trát tường vữa xi măng M75, tấm đan chịu lực bằng BTCT đúc sẵn.

+ Thoát nước ngang: Thiết kế mới các cống thoát nước ngang đảm bảo tiêu thoát nước khu vực và thủy lợi. Cống hộp sử dụng ống cống BTCT lắp ghép, thân cống bằng BTCT lắp ghép M300, tải trọng C, móng cống bằng BTXM đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm. Tường đầu, tường cánh, móng tường đầu, móng tường cánh, sân cống kết cấu BTXM trên lớp đá dăm đệm.

b. Phần cầu:

* Kết cấu phần trên:

- Cầu vượt thiết kế theo sơ đồ gồm 01 nhịp dầm giản đơn mút thừa (1x47,5)m, chiều dài tính đến hết phần hẫng $L_c=(1m+47,5m+1m)=49,5m$; mặt cắt ngang cầu gồm 04 dầm “I” thép liên hợp với bản BTCT 30Mpa; khoảng cách giữa các dầm là 1600m; mỗi dầm chủ có chiều cao 1500mm; sườn dầm có chiều cao thay đổi: 1425mm - 1445mm; lan can cầu bằng thép mạ kẽm. Gối cầu sử dụng gối thép. Khe co giãn sử dụng khe co giãn răng lược tại vị trí tiếp giáp với phần cầu dẫn. Bản mặt cầu BTCT 30Mpa dày tối thiểu 15cm. Độ dốc ngang mặt cầu $i=1\%$.

- Cầu dẫn lên cầu vượt: Thiết kế theo sơ đồ gồm 01 nhịp dầm giản đơn (1x42,8)m; mặt cắt ngang cầu gồm 03 dầm “I” thép liên hợp với bản BTCT 30Mpa; khoảng cách giữa các dầm là 1600mm; mỗi dầm chủ có chiều cao 1500mm; sườn dầm có chiều cao thay đổi: 1430mm - 1450mm; quy mô, kết cấu phần trên khác của cầu dẫn tương tự như cầu vượt. Bản mặt cầu BTCT 30Mpa dày tối thiểu 15cm. Độ dốc ngang mặt cầu $i=1\%$.

* Kết cấu phần dưới:

- Trụ cầu bằng BTCT 30MPa đổ tại chỗ, dạng thân cột, đường kính thân trụ $D=1,3m$, móng trụ đặt trên hệ cọc BTCT tiết diện 30x30cm.

- Mố cầu bằng BTCT 30MPa đổ tại chỗ; móng mố đặt trên hệ cọc BTCT tiết diện 30x30cm.

- Tường chắn sau mố: Kết cấu BTCT 30MPa đổ tại chỗ. Tường chắn sau mố chia làm 03 đoạn; đoạn 1, đoạn 2 sau mố dạng hình hộp; đoạn 3 dạng chữ U; hệ tường chắn được đặt trên nền đất đắp đã được xử lý bằng giải pháp đào thay đất kết hợp cọc tre hoặc đặt trên hệ móng cọc (*tùy theo điều kiện địa chất*); kết cấu áo đường trong lòng tường chắn chữ U bằng BTXM trên lớp móng cấp phối đá dăm.

- Vuốt nối phần cầu dẫn với đường gom đảm bảo êm thuận, kết cấu mặt đường: BTXM trên lớp móng cấp phối đá dăm.

c. *An toàn giao thông*: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; biển báo được bố trí tại các điểm giao cắt, biển được làm bằng tôn có phản quang, cột biển báo làm bằng thép tròn; sơn vạch phản quang.

d. *Các nội dung chi tiết khác*: Theo Hồ sơ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát xây dựng:

Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình giao thông 2.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất

- Địa điểm xây dựng: Huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 0,5ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, nhóm C.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.
- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Tuổi thọ thiết kế 100 năm đối với công trình cầu (TCVN 11823-1:2017).

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31 : 2020/TCĐBVN;
- Tiêu chuẩn cơ sở khảo sát thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu TCCS 41:2022/TCĐBVN;
- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38:2022/TCĐBVN;
- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005;
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017;
- Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2012;
- Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5575:2012;
- Sơn bảo vệ kết cấu thép - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử TCVN 8789:2011;
- Hàn cầu thép - Tiêu chuẩn kỹ thuật 22 TCN 280-01;
- Dầm cầu thép và kết cấu thép - Yêu cầu kỹ thuật chế tạo và nghiệm thu trong công xưởng 22 TCN 288-02;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016;
- Tiêu chuẩn thiết kế cống TCVN 9113:2012; 9116:2012;
- Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995;
- Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;
- Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu TCVN 13567-1:2022 – Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật – công trình chiếu sáng QCVN 07-7/2016/BXD
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;
- Một số các tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: 45.109.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ, một trăm linh chín triệu đồng).

Trong đó:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 37.610.455.000 đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 832.901.000 đồng; |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 2.283.917.000 đồng; |
| - Chi phí khác: | 657.071.000 đồng; |
| - Chi phí dự phòng: | 3.724.656.000 đồng; |

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang thực hiện quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 1488/SGTVT-QLCL ngày 03/8/2023 của Sở Giao thông vận tải và Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

Điều 2. Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Việt Yên; Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTTH, KTN;
- Lưu: VT, KTN_{Hiếu}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích